

Bản án số: 24/2026/HNGĐ – ST

Ngày 06 tháng 5 năm 2026.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Toàn;
2. Bà Nguyễn Thị Nhạn;

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2026/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tân Tả M, sinh ngày 16/5/1991;

Số căn cước công dân: 010191001.....

Địa chỉ: Thôn D, xã D, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tân Láo T, sinh ngày 15/6/1989.

Số căn cước công dân: 010089008.....

Địa chỉ: Thôn D, xã D, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương Thủy – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 15/3/2026 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Tần Tả M trình bày:

Chị và anh Tần Láo T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai, (nay là xã D, tỉnh Lào Cai). Theo giấy kết hôn số 08/2011, quyền số 01/2010 ngày 14/02/2011.

Sau khi sinh con, anh chị cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình. Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân đôi lúc phát sinh mâu thuẫn nhưng anh, chị đã tự khắc phục được, nên đã chấp nhận tiếp tục cuộc sống gia đình, càng về sau cuộc sống vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2020 mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, anh Tần Láo T đi làm thuê để thêm thu nhập cho gia đình, nhưng khi đi làm có tiền anh Tả không gửi về cho vợ con mà chi tiêu hết, ngoài ra anh còn chơi cờ bạc, rượu chè, từ đó không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên giải nhưng anh Tả không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2025 đến nay chị và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, chị đề nghị giải quyết cho được ly hôn với anh Tần Láo T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Tần Láo T sinh được 02 con chung, cháu thứ nhất Tần Văn Đ, sinh ngày 26/7/2011, cháu thứ hai Tần Văn B, sinh ngày 06/5/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Tần Văn Đ, đối với cháu Tần Văn Bình chị đồng ý để anh Tần Láo T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do mỗi người nuôi một cháu, nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Tần Láo T không có tài sản chung, không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2026 và quá trình giải quyết thì bị đơn anh Tần Láo T trình bày:

Anh và chị Tần Tả M kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã D, tỉnh Lào Cai) vào ngày 14/02/2011 theo đúng qui định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống từ đó cho đến nay thỉnh thoảng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đều biết và đã can ngăn, hòa giải kịp thời. Anh xác nhận có tham gia chơi vui khi uống rượu nhưng không phải đánh bạc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cũng do chị M một phần, năm 2025 chị đi làm thỉnh thoảng mới về nhà, mọi công việc gia đình, chăm con, đưa đón học tập đều do anh làm, chị nói anh không phụ giúp gia đình và không quan tâm đến con là không đúng. Từ khi chị M đi ra ngoài làm ăn thì vợ chồng bắt đầu có những xích mích nhỏ, ít gọi điện về cho gia đình, không thông báo nơi làm việc nhưng những việc đó cũng không

ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Nay chị M viết đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có khả năng khắc phục được, anh sẽ về bàn bạc với gia đình hai bên khuyên giải chị M rút đơn về đoàn tụ. Trong trường hợp chị M cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị M sinh được hai người con chung. Cháu thứ nhất tên là Tần Văn Đ, sinh ngày 26/07/2011 và cháu Tần Văn B, sinh ngày 06/5/2013. Trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, thu nhập hàng tháng hiện nay của anh là 3.000.000 đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Tần Văn Đ mỗi tháng là 1.500.000 đồng, cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh và chị M không có nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 chấp nhận yêu cầu của chị Tần Tả M, chị Tần Tả M được ly hôn với anh Tần Láo T;

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giao cho chị Tần Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tần Văn Đ, sinh ngày 26/7/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Tần Láo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tần Văn Bình, sinh ngày 06/5/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Chị Tần Tả M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với vụ án này chị Tần Tả M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Điểm a,

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tần Tả M được ly hôn anh Tần Láo T.

Về con chung: Giao cháu Tần Văn Đạt, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Tần Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Tần Văn B, sinh ngày 06/5/2013 cho anh Tần Láo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Tần Láo T có địa chỉ tại xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Nguyên đơn chị Tần Tả M và bị đơn anh Tần Láo T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2011, quyền số 01/2010 ngày 14/02/2011 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh Tần Láo T đi làm thuê để thêm thu nhập cho gia đình, nhưng khi đi làm có tiền anh Tả không gửi về cho vợ con mà chi tiêu hết, ngoài ra anh còn chơi cờ bạc, rượu chè, từ đó không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên giải nhưng anh T không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Bản thân anh Tả xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, có khả năng khắc phục được nhưng qua quá trình giải quyết vụ án cho đến nay chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai thì anh Tả cho rằng nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng

ý. Như vậy mâu thuẫn giữa chị M và anh T là có thật, thực tế từ năm 2025 vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị M xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị M, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Tẩn Tả M được ly hôn anh Tẩn Láo T.

[4] Về con: Trong quá trình chung sống anh, chị sinh được 02 người con chung, cháu thứ nhất tên là Tẩn Văn Đ, sinh ngày 26/07/2011 và cháu Tẩn Văn B, sinh ngày 06/5/2013. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Tẩn Văn Đ, đối với cháu Tẩn Văn B chị để anh T nuôi.

Anh Tẩn Láo T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy chị Tẩn Tả M là lao động tự do, thu nhập bình quân theo xác nhận của địa phương nơi chị M cư trú từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày, bản thân anh Tẩn Láo T xác nhận thu nhập là 3.000.000 đồng/tháng. Cả hai anh, chị đều có điều kiện để nuôi con. Khi được hỏi ý kiến của hai cháu Tẩn Văn Đ và Tẩn Văn B thì các cháu đều muốn ở với cả bố và mẹ. Xét điều kiện kinh tế, thời gian chăm sóc con và nguyện vọng của các cháu, việc giao mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một cháu là phù hợp. Chấp nhận yêu cầu của chị M, không chấp nhận yêu cầu của anh Tẩn Láo T, giao cháu Tẩn Văn Đ cho chị M và cháu Tẩn Văn B cho anh Tả nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con:

Do mỗi người nuôi dưỡng một cháu nên Chị Tẩn Tả M và anh Tẩn Láo T không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản: Chị Tẩn Tả M và anh Tẩn Láo T không yêu cầu Toà án giải quyết, trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Tẩn Tả M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Tần Tả M được ly hôn anh Tần Láo T. Quan hệ hôn nhân của chị Tần Tả M và anh Tần Láo T chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Giao cho chị Tần Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tần Văn Đạt, sinh ngày 26/7/2011 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Tần Láo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tần Văn B, sinh ngày 06/5/2013 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Tần Tả M và anh Tần Láo T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tần Tả M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số 0000832 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Tần Tả M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7 - Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã D;
- Người BVQ & LIHP;
- THA DS tỉnh Lào Cai;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

